

ITW Performance Polymers

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

PHẦN 1: Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

Mã phân loại sản phẩm theo GHS hoặc các nhận dạng khác của sản phẩm/hóa chất {Số CAS; số UN (nếu có); Số đăng ký EC (nếu có); Tên thương mại}

Tên sản phẩm PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Mã sản phẩm DM018K-H

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng Chất làm cứng.

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối): Tên; địa chỉ; số điện thoại...

Nhà cung cấp ITW Performance Polymers
Bay 150
Shannon Industrial Estate
Co. Clare
Ireland
V14 DF82
353(61)771500
353(61)471285
customerservice.shannon@itwpp.com

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp

Số điện thoại liên hệ trong trường hợp khẩn cấp +44(0)1235 239 670 (24h)

PHẦN 2: Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

Phân loại theo GHS và thông tin phân loại theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, khu vực, tổ chức thử nghiệm. (Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...)

Nguy hại vật chất Không phân loại.

Nguy cơ về sức khỏe Độc cấp tính loại 4 - H302 Độc cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317

Nguy cơ về môi trường Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411

Các yếu tố nhãn theo GHS (Cảnh báo nguy hiểm, hướng dẫn bảo quản, sử dụng..)

Hình đồ cảnh báo



Từ cảnh báo

Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ

H302+H312 Có hại nếu nuốt phải hoặc tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hỏng mắt.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER**Biện pháp phòng ngừa**

P261 Tránh hít hơi/ bụi nước.
 P273 Tránh thải ra môi trường.
 P280 Đeo găng tay/ quần áo/ kính/ mặt nạ bảo hộ.
 P301+P310 **NẾU NUỐT PHẢI:** Gọi TRUNG TÂM CHỐNG ĐỘC/ bác sĩ ngay lập tức.
 P303+P361+P353 **NẾU DÍNH VÀO DA (hoặc tóc):** Cởi quần áo nhiễm hóa chất ngay lập tức.
 Rửa sạch da bằng nước/ tắm.
 P305+P351+P338 **NẾU DÍNH VÀO MẮT:** Rửa cẩn thận với nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có và dễ tháo. Tiếp tục rửa.

Bao gồm

TETRAETHYLENEPENTAMINE, 2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ...)

Sản phẩm này không chứa bất kỳ chất nào được phân loại PBT (bền vững, dễ tích tụ sinh học và độc hại) hoặc vPvB (rất bền vững, rất dễ tích tụ sinh học).

PHẦN 3: Thông tin về thành phần các chất**Hỗn hợp chất**

TETRAETHYLENEPENTAMINE Số CAS: 112-57-2	20-40%
Phân loại Độc cấp tính loại 4 - H302 Độc cấp tính loại 4 - H312 Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317 Mãn tính thủy sinh loại 2 - H411	
2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL Số CAS: 90-72-2	1-5%
Phân loại Ăn mòn da loại 1B - H314 Tổn thương mắt loại 1 - H318 Tác nhân nhạy da loại 1 - H317 Mãn tính thủy sinh loại 3 - H412	

Văn bản đầy đủ của tất cả các câu cảnh báo nguy hại được hiển thị ở Phần 16.

PHẦN 4: Biện pháp sơ cứu về y tế**Mô tả các biện pháp tương ứng với các đường phơi nhiễm**

Thông tin chung	Avoid contact with eyes. Show this safety data sheet to the doctor in attendance
Đường thở	Đưa người bị ảnh hưởng đến nơi thoáng khí ngay lập tức. Tìm hỗ trợ y tế nếu sự khó chịu vẫn tiếp tục.
Nuốt phải	Không cố nôn ra. Nếu bị nôn mửa, đầu phải được giữ thấp để chất nôn không chảy vào phổi. Uống nhiều nước. Tìm hỗ trợ y tế.
Tiếp xúc với da	Cởi quần áo bị nhiễm hóa chất ngay lập tức và rửa da với xà phòng và nước. Tìm hỗ trợ y tế nếu vẫn kích ứng sau khi rửa.
Tiếp xúc với mắt	Tháo kính áp tròng nếu có và mở to mắt. Tiếp tục rửa trong ít nhất 15 phút và tìm hỗ trợ y tế. Tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này

Thông tin chung	Mức độ nghiêm trọng của các triệu chứng được mô tả sẽ khác nhau tùy thuộc vào nồng độ và thời gian tiếp xúc.
Nướu phải	Sản phẩm này ăn mòn mạnh. Có thể gây bỏng hóa chất trong miệng, thực quản và dạ dày. Có thể gây tổn thương nội tạng trầm trọng.
Tiếp xúc với da	Đau rát và ăn mòn hủy hoại da trầm trọng.
Tiếp xúc với mắt	Kích ứng trầm trọng, bỏng rát, chảy nước mắt và thị lực mờ. Bụi hoặc hỗn hợp bắn ra có thể gây hủy hoại mắt vĩnh viễn.

Các chỉ thị và hướng dẫn cấp cứu đặc biệt cần thiết

Ghi chú cho bác sĩ Không có khuyến nghị cụ thể. Nếu có nghi ngờ, tìm hỗ trợ y tế ngay lập tức.

PHẦN 5: Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn

Các phương tiện chữa cháy thích hợp

Các phương tiện chữa cháy thích hợp Dập lửa với bọt, cacbon dioxit hoặc bột khô.

Các chất độc được sinh ra khi bị cháy

Những nguy hại cụ thể Khí hoặc hơi gây kích ứng.

Phương tiện, trang phục bảo hộ và cảnh báo cần thiết khi chữa cháy

Những hành động bảo vệ khi chữa cháy Các thùng chứa gần đám cháy nên được rời đi hoặc làm mát với nước.

Thiết bị bảo hộ đặc biệt cho lính cứu hỏa Đeo bình thở dưỡng khí oxy áp lực dương và mặc quần áo bảo hộ phù hợp.

PHẦN 6: Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố

Phòng ngừa đối với cá nhân Tránh tiếp xúc với da và mắt.

Các cảnh báo về môi trường

Phòng ngừa về môi trường Tràn đổ và xả thải không kiểm soát vào nguồn nước phải được báo cáo ngay lập tức với Cục Môi trường hoặc cơ quan quản lý thích hợp khác.

Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố

Các biện pháp vệ sinh Hấp thụ tràn đổ bằng cát và các chất hấp thụ trơ khác. Thu gom và đổ vào các thùng chứa chất thải phù hợp và niêm phong kín. Các thùng chứa chất bị tràn đổ phải được ghi nhãn đúng quy cách với thành phần chính xác và ký hiệu nguy hại.

Tham chiếu đến các phần khác

Tham chiếu đến các phần khác Mặc quần áo bảo hộ như được mô tả ở Phần 8 của phiếu dữ liệu an toàn này.

PHẦN 7: Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm

Biện pháp phòng ngừa khi sử dụng Chỉ sử dụng trong khu vực thông gió tốt. Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần. Open drum carefully as content may be under pressure. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Phòng ngừa khi lưu trữ Lưu trữ trong thùng chứa gốc ban đầu, đóng kín, ở nơi khô ráo, thoáng mát và thông gió tốt. Không lưu trữ gần các chất liệu không tương thích (xem Phần 10).

Mục đích sử dụng cuối cùng

Mục đích sử dụng cuối cùng Các công dụng đã được xác định của sản phẩm này được trình bày trong Phần 1.

PHẦN 8: Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân

Chú thích về thành phần Không có giới hạn phơi nhiễm cho các thành phần này.

Kiểm soát phơi nhiễm

Thiết bị bảo hộ



Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp Cung cấp đầy đủ hệ thống thông gió chung và quạt hút thông gió khu vực. Xem tất cả các giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp của sản phẩm hoặc của các thành phần.

Bảo hộ mắt/mặt Đeo thiết bị bảo hộ sau: Kính chống hóa chất bắn tóe hoặc khiên che mặt. Phải đeo thiết bị bảo hộ cá nhân cung cấp sự bảo vệ mắt và mặt phù hợp.

Bảo hộ tay Phải đeo găng tay chống hóa chất, chống thấm tuân theo tiêu chuẩn đã được phê duyệt nếu đánh giá rủi ro cho thấy việc tiếp xúc với da có thể xảy ra. Để bảo vệ tay khỏi hóa chất, đeo găng tay đã được chứng minh là kháng hóa chất và chống ăn mòn. Găng tay được lựa chọn phải có thời gian thẩm thấu ít nhất 8 giờ.

Bảo hộ khác cho da và cơ thể Đeo tạp dề hoặc quần áo bảo hộ trong trường hợp tiếp xúc.

Biện pháp vệ sinh cá nhân Cung cấp nơi để rửa mắt và tắm. Tránh xa thực phẩm, đồ uống và đồ ăn cho động vật. Thủ tục vệ sinh cá nhân nên được thực hiện tốt. Rửa tay và các chỗ bị nhiễm hóa chất trên cơ thể với xà phòng và nước trước khi rời khỏi khu làm việc. Do not eat, drink or smoke when using the product.

Bảo vệ đường hô hấp Sử dụng thiết bị bảo hộ hô hấp nếu mức ô nhiễm không khí vượt quá giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được khuyến nghị. Việc lựa chọn mặt nạ phải dựa trên mức độ phơi nhiễm, nguy hại của sản phẩm và giới hạn an toàn nơi làm việc của mặt nạ được chọn lựa. Mặt nạ phải vừa với khuôn mặt và bộ lọc phải được thay thường xuyên. Đeo mặt nạ hợp với bộ lọc sau: Bộ lọc khí, loại A2. Phải sử dụng mặt nạ hô hấp nửa mặt và một phần tư mặt với hộp lọc có thể thay thế được phù hợp với mục đích sử dụng.

PHẦN 9: Đặc tính lý, hóa của hóa chất

Thông tin về tính chất lý, hóa cơ bản của hóa chất

Bề ngoài	Chất lỏng.
Màu sắc	Vàng hổ phách.
Mùi đặc trưng	Mùi amoniac. Mùi amin.
Độ pH	pH (dung dịch đậm đặc): Alkaline @ 20 °C
Điểm nóng chảy	n/d°C
Điểm sôi ban đầu và khoảng sôi	>232°C @
Điểm cháy	>93°C TCC (Cốc kính Tag).
Tỷ trọng tương đối	0.95 - 1.07 @ @ 20 °C°C

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER

Độ hòa tan trong nước	N/A
Tính nổ	Sản phẩm này không chứa các nhóm hóa chất có tính chất nổ.
Thông tin khác	
Thông tin khác	Không có.

PHẦN 10: Mức độ ổn định và phản ứng của hóa chất

Khả năng phản ứng	Chất oxy hóa mạnh.
Tính ổn định	Bền ở nhiệt độ thường và được sử dụng như khuyến nghị.
Khả năng phản ứng nguy hiểm	Không polyme hóa.
Các điều kiện cần tránh	Không để gần nguồn nhiệt, tia lửa và ngọn lửa trần.
Các vật liệu cần tránh	Tránh tiếp xúc với chất oxy hóa. Nitrous acid and other nitrosating agents.
Các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	Fire or high temperatures create: Khí chứa nitơ (NOx). Oxit của các chất sau: Cacbon monoxit (CO). Cacbon dioxit (CO2). Vapours/gases/fumes of: Amoniac hoặc amin.

PHẦN 11: Thông tin về độc tính**Thông tin về tác động của độc tính****Độc cấp tính - qua đường miệng**

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

Độc cấp tính - qua da

Dự đoán độ độc cấp tính qua da (mg/kg) 1.100,0

Đường thở	Có thể gây hủy hoại màng nhầy trong mũi, họng, phổi và hệ thống phế quản. Buồn nôn, nôn mửa.
Tiêu hóa	Nướu phải có thể gây kích ứng miệng, thực quản và đường tiêu hóa trầm trọng.
Tiếp xúc với da	Kích ứng da trầm trọng.
Tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng mắt trầm trọng. Nguy cơ hủy hoại mắt nghiêm trọng.
Đường phơi nhiễm	Tiếp xúc với da và/hoặc mắt Hấp thu vào da Qua đường thở

Thông tin về độc tính của các thành phần**TETRAETHYLENEPENTAMINE****Độc cấp tính - qua đường miệng**

Độ độc cấp tính qua đường miệng (LD₅₀ mg/kg) 3.990,0

Các loài Chuột cống

Dự đoán độ độc cấp tính qua đường miệng (mg/kg) 500,0

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER**2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL****Độc cấp tính - qua đường miệng**

Độ độc cấp tính qua đường miệng 2.169,0
(LD₅₀ mg/kg)

Các loài Chuột cống

PHẦN 12: Thông tin về sinh thái

Độc tính môi sinh Sản phẩm này chứa một chất có hại đối với sinh vật thủy sinh và do đó có thể gây ra tác hại lâu dài cho môi trường thủy sinh.

Độc tính Không được cho là gây độc cho cá.

Thông tin về sinh thái của các thành phần**TETRAETHYLENEPENTAMINE****Độc cấp tính đối với môi trường thủy sinh**

Độc cấp tính- cá LC₅₀, 96 giờ: 420 mg/l, *Poecilia reticulata* (Cá bảy màu)

Độc cấp tính- động vật thủy sinh LC₅₀, 48 giờ: 24 mg/l, *Daphnia magna*

Độc cấp tính- thực vật thủy sinh LC₅₀, 72 giờ: 2 mg/l, *Pseudokirchneriella subcapitata*

2,4,6-TRIS(DIMETHYLAMINOMETHYL)PHENOL**Độc cấp tính đối với môi trường thủy sinh**

Độc cấp tính- cá LC₅₀, 96 giờ: 175 mg/l, *Cyprinus carpio* (Cá chép)

Độc cấp tính- thực vật thủy sinh LC₅₀, 72 giờ: 84 mg/l, *Desmodesmus subspicatus*

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy Không có dữ liệu về tính phân hủy sinh học của sản phẩm này.

Khả năng tích lũy sinh học

Khả năng tích lũy sinh học Không có dữ liệu về độ tích tụ sinh học.

Độ linh động trong đất

Độ linh động Tránh tràn đổ hoặc chảy xuống ống thoát nước, cống rãnh hoặc kênh rạch.

Các tác hại khác

Các tác hại khác Không có.

PHẦN 13: Thông tin về thải bỏ**Các biện pháp xử lý chất thải**

Thông tin chung Khi xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa an toàn áp dụng trong xử lý sản phẩm phải được cân nhắc.

Các phương pháp thải bỏ Thải bỏ chất thải ở khu xử lý chất thải có giấy phép theo yêu cầu của Cơ quan Xử lý Chất thải địa phương.

Nhóm chất thải 08 04 09

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER**PHẦN 14: Thông tin khi vận chuyển****Số UN**

Số UN (Đường bộ/Đường sắt) 1760

Số UN (IMDG) 1760

Số UN (ICAO) 1760

Tên phương tiện vận chuyển đường biển

Tên phương tiện vận chuyển (Đường bộ/Đường sắt) CORROSIVE LIQUID, N.O.S.(AMIDOAMINE)

Tên phương tiện vận chuyển (IMDG) CORROSIVE LIQUID, N.O.S.(AMIDOAMINE)

Tên phương tiện vận chuyển (ICAO) CORROSIVE LIQUID, N.O.S.(AMIDOAMINE)

Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển

Nhóm Đường bộ/Đường sắt 8

Mã phân loại Đường bộ/Đường sắt C9

Nhãn Đường bộ/Đường sắt 8

Nhóm IMDG 8

Nhóm/ mục ICAO 8

Nhãn vận chuyển**Quy cách đóng gói (nếu có)**

Quy cách đóng gói Đường bộ/Đường sắt III

Quy cách đóng gói IMDG III

Quy cách đóng gói ICAO III

Độc môi trường (chất ô nhiễm đại dương)Chất gây nguy hại cho môi trường/ chất ô nhiễm thủy sinh
Không.**Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý, cần tuân thủ trong vận chuyển.**

EmS F-A, S-B

Số nhận dạng nguy hại (Đường bộ/Đường sắt) 80

PHẦN 15: Thông tin về pháp luật**PHẦN 16: Các thông tin cần thiết khác, bao gồm các thông tin khi xây dựng và hiệu đính Phiếu an toàn hóa chất**

Ý kiến sửa đổi Công thức đã hiệu chỉnh.

PHILLYCLAD 1775/620TS HARDENER**Ngày sửa đổi** 22/09/2021**Sửa đổi** 10**Ngày thay thế** 29/05/2019

Câu cảnh báo nguy hại đầy đủ H302 Có hại nếu nuốt phải.
H312 Có hại khi tiếp xúc với da.
H314 Gây bỏng da nghiêm trọng và hồng mắt.
H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H411 Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.
H412 Có hại đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Thông tin này chỉ áp dụng cho chất liệu cụ thể được ghi rõ và có thể vô giá trị khi chất liệu này được sử dụng kết hợp với chất liệu khác hoặc trong quá trình khác. Thông tin này, dựa trên kiến thức tốt nhất và niềm tin của công ty, là chính xác và đáng tin cậy kể từ ngày được ghi. Tuy nhiên, không có bảo đảm hoặc tuyên bố chính thức nào về tính chính xác, độ tin cậy hoặc tính trọn vẹn của thông tin. người sử dụng tự có trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin phù hợp với yêu cầu sử dụng riêng của bản thân.